

Số: 469/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng
Hạ tầng, kho bãi Logistics Quốc tế thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang

Xét đề nghị của Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc tại Tờ trình số 05/TT-HP ngày 14/3/2019, Báo cáo thẩm định số 71/BC-SXD ngày 26/3/2019 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Hạ tầng, kho bãi Logistics Quốc tế thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do và sự cần thiết phải điều chỉnh:

Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Hạ tầng, kho bãi Logistics Quốc tế thành phố Bắc Giang, tỷ lệ 1/500 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết

định số 1148/QĐ-UBND ngày 26/7/2016, điều chỉnh tại Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 và Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện dự án phát sinh một số nội dung chưa phù hợp với thực tế: Tuyến đường gom dọc đường cao tốc Hà Nội- Bắc Giang đã thi công hoàn thành có chiều rộng mặt đường trung bình 5,5m không đáp ứng được lưu lượng xe và nhu cầu đi lại phục vụ dân sinh, phục vụ phát triển công nghiệp và kho bãi Logistics; tuyến đường phía Tây giáp với Khu công nghiệp Song Khê- Nội Hoàng đã thi công có mặt cắt ngang đường rộng 30m chưa phù hợp với quy hoạch chung thành phố Bắc Giang (48m); ranh giới lập quy hoạch và cốt đầu nổi chưa phù hợp với dự án Khu công nghiệp Song Khê- Nội Hoàng (khu phía Bắc) đang thực hiện và kết nối với khu vực lân cận.

2. Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh tuyến đường phía Tây giáp với Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng: Điều chỉnh giảm cao độ tim tuyến đường từ +4,0m xuống +3,0m; điều chỉnh mặt cắt ngang từ 50m ($B_m=15 \times 2=30m$; $B_h=7 \times 2=14m$; $B_{pc}=6m$) xuống 48m ($B_m=15 \times 2=30m$; $B_h=6 \times 2=12m$; $B_{pc}=6m$).

- Điều chỉnh ranh giới lập quy hoạch: Ranh giới phía đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang tiếp giáp với ranh giới đã giải phóng mặt bằng của dự án BOT; phía Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng tiếp giáp với ranh giới giao đất của dự án Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng; phía Đông-Nam giáp kênh tiêu Ngòi Bún ranh giới đến hết lộ giới đường quy hoạch.

Bảng quy hoạch sử dụng đất trước và sau khi điều chỉnh cục bộ:

| T T | Loại đất | Trước khi điều chỉnh | | Sau khi điều chỉnh | |
|--------|--|----------------------|-----------|--------------------|-----------|
| | | DT (ha) | tỷ lệ (%) | DT (ha) | tỷ lệ (%) |
| | Tổng diện tích ranh giới lập quy hoạch | 69,38 | 100,0 | 66,69 | 100,0 |
| I | Đất nhà ở chuyên gia và cán bộ nhân viên | 1,82 | 2,62 | 1,82 | 2,73 |
| II | Đất trạm dừng nghỉ cao tốc | 1,13 | 1,63 | 0,96 | 1,45 |
| III | Đất phục vụ Logistics | 66,43 | 100,0 | 63,90 | 100,0 |
| I | Đất văn phòng thương mại, dịch vụ hỗn hợp | 6,62 | 9,97 | 6,62 | 10,36 |
| | Đất văn phòng hành chính | 1,26 | 1,9 | 1,26 | 1,97 |
| | Đất khu thương mại dịch vụ | 1,73 | 2,61 | 1,73 | 2,71 |
| | Trung tâm hội chợ triển lãm và xúc tiến đầu tư | 1,94 | 2,92 | 1,94 | 3,04 |


| | | | | | |
|----------|---|--------------|--------------|--------------|--------------|
| | Đất khu khách sạn | 1,69 | 2,54 | 1,69 | 2,64 |
| 2 | Đất kho bãi logistics | 28,51 | 42,92 | 28,51 | 44,62 |
| | Đất khu lưu trữ hàng hóa lớn | 10,53 | 15,85 | 10,53 | 16,48 |
| | Đất khu lưu trữ hàng hóa vừa và nhỏ | 12,29 | 18,5 | 12,29 | 19,23 |
| | Đất khu phân phối TP Bắc Giang và khu vực lân cận | 5,69 | 8,57 | 5,69 | 8,9 |
| 3 | Đất hạ tầng | 19,0 | 28,6 | 17,71 | 27,72 |
| | Đường giao thông nội bộ | 16,79 | 25,27 | 15,5 | 24,26 |
| | Bãi đỗ xe tập trung | 1,6 | 2,41 | 1,6 | 2,50 |
| | Đất khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật | 0,61 | 0,92 | 0,61 | 0,95 |
| 4 | Đất cây xanh | 12,3 | 18,51 | 11,06 | 17,31 |
| | Cây xanh cảnh quan | 4,81 | 7,24 | 4,81 | 7,53 |
| | Cây xanh cách ly điện cao thế | 6,47 | 9,74 | 5,23 | 8,18 |
| | Cây xanh công viên | 1,02 | 1,53 | 1,02 | 1,60 |

(Có báo cáo thẩm định và hồ sơ điều chỉnh cục bộ kèm theo)

Các nội dung khác của đồ án giữ nguyên theo Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 26/7/2016; Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 08/9/2016; Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. UBND thành phố Bắc Giang, Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang, Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, TH, XD, TNMT, TTTT;
- Lưu CNN, VT.

KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI BIỂU CHỦ TỊCH



Đương Văn Thái